

Nội dung

1. Công nghiệp chế biến, chế tạo và Tài chính thúc đẩy GDP tăng trưởng ấn tượng
2. Ngân sách nhà nước ghi nhận thặng dư
3. Chế biến, chế tạo dẫn đầu ngành công nghiệp Việt Nam
4. Xuất nhập khẩu hàng hoá tăng trưởng vừa phải
5. FDI đăng ký tăng mạnh nhưng giải ngân khiêm tốn
6. Áp lực cao từ Dịch vụ y tế và giáo dục
7. Đồng Việt Nam tăng nhẹ so với đồng đô la Mỹ
8. Bảng điểm vĩ mô

Các chỉ số vĩ mô

Hàng quý	2Q2019	3Q2019
GDP (% n/n)	6.73%	7.31%
Xuất khẩu (% n/n)	9.17%	8.05%
Nhập khẩu (% n/n)	10.12%	10.07%
FDI giải ngân (tỷ USD)	4.98	5.12
Hàng tháng	08/2019	09/2019
IIP (% n/n)	9.6%	10.2%
PMI	52.5	50.5
CPI (% n/n)	2.88%	2.93%
USD/VND	23,196	23,201
TPCP 1 năm	3.26%	3.27%

Nguồn: GSO, Nikkei, IHS Markit, Bloomberg, FIA

Công nghiệp & Xây dựng tăng trưởng vượt trội

Công nghiệp chế biến, chế tạo và Tài chính thúc đẩy GDP tăng trưởng ấn tượng. GDP thực tế của Việt Nam trong 3Q2019 ước tính đạt 957.1 nghìn tỷ đồng, tăng 7.31% n/n và cao hơn 58 điểm cơ bản (bps) so với quý trước. Ngành Công nghiệp và Xây dựng cải thiện đáng kể trong khi Nông, lâm, ngư nghiệp gặp nhiều khó khăn.

Chế biến, chế tạo dẫn đầu ngành công nghiệp Việt Nam. Trong 3Q2019, chỉ số sản xuất công nghiệp trung bình tăng 10.2% n/n nhờ sự mở rộng của tất cả các thành phần, đặc biệt là Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng +10.8% n/n. Chúng tôi kỳ vọng sản xuất công nghiệp sẽ tiếp tục đà phát triển nhờ hoạt động của một số dự án lớn như Nhà máy ô tô của Vinfast và Khu liên hợp sản xuất gang thép Dung Quất.

Xuất nhập khẩu hàng hoá tăng trưởng vừa phải. Theo GSO, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá 3Q2019 tăng +9.03% n/n lên 138.7 tỷ USD. Trong đó, giá trị xuất khẩu tăng 10.07% n/n lên 68.2 tỷ USD; giá trị nhập khẩu tăng 8.05% n/n, đạt 70.5 tỷ USD. Cán cân thương mại thặng dư 2.2 tỷ USD, tăng 2.15 tỷ USD so với quý trước.

FDI đăng ký tăng mạnh nhưng giải ngân khiêm tốn. Trong 3Q2019, FDI đăng ký vào Việt Nam đạt 7.7 tỷ USD, tăng 52.71% n/n. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo là lĩnh vực hấp dẫn nhất với 4.9 tỷ USD, chiếm 63.5% tổng vốn đầu tư và đóng góp 30.13% vào tăng trưởng FDI đăng ký. Bất động sản đứng thứ hai với mức tăng 364.5% n/n, đóng góp 22.48% vào tổng vốn FDI.

Áp lực cao từ Dịch vụ y tế và Giáo dục. Theo GSO, trong 3Q2019, CPI trung bình tăng 2.23% n/n chủ yếu từ nhóm Thuốc & dịch vụ y tế (+7.87% n/n). Trong 4Q2019, chúng tôi dự báo lạm phát sẽ vẫn ở mức thấp, giữ mức CPI bình quân 2019 dưới mục tiêu lạm phát 4% của Chính phủ.

Đồng Việt Nam tăng nhẹ so với đồng đô la Mỹ. Vào cuối tháng 09/2019, tỷ giá USD/VND được giao dịch ở mức 23,201 (23,201 đồng Việt Nam cho 1 đô la Mỹ), giảm 0.43% so với quý trước. Ngoại trừ baht Thái (THB) và đồng Việt Nam (VND), hầu hết các đồng tiền chính ở Đông Nam Á đã mất giá so với đồng đô la Mỹ trong 3Q2019 như rupiah Indonesia (IDR), ringgit Malaysia (MYR), peso Philippines (PHP) và đô la Singapore (SGD).

Nguyễn Trọng Ý

(+84-28) 3914 8585 - Ext: 1463

y.nt@kisvn.vn

www.kisvn.vn

Trần Trương Mạnh Hiếu

(+84-28) 3914 8585 - Ext: 1464

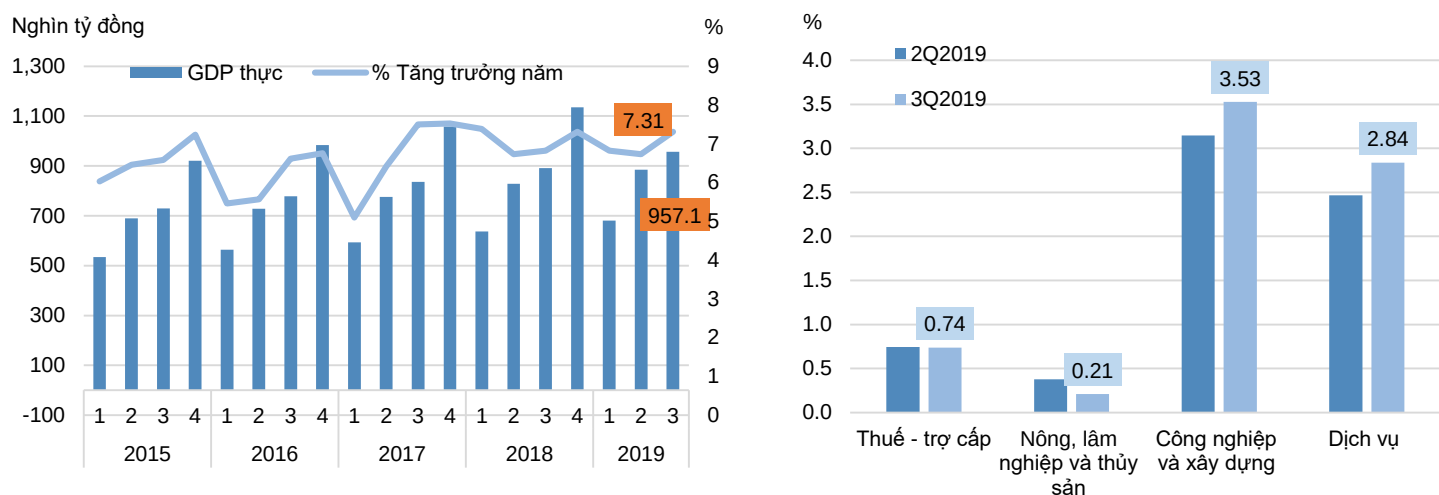
hieu.ttm@kisvn.vn

www.kisvn.vn

Công nghiệp chế biến, chế tạo và Tài chính thúc đẩy GDP tăng trưởng ấn tượng

GDP thực tế của Việt Nam trong 3Q2019 ước tính đạt 957.1 nghìn tỷ đồng, tăng 7.31% n/n và cao hơn 58 điểm cơ bản (bps) so với quý trước. Tăng trưởng ấn tượng trong giai đoạn này đã đẩy tốc độ tăng trưởng lũy kế lên tới 6.98% n/n, vượt mức 6.8% trong kế hoạch năm của Chính phủ theo Nghị quyết 01/NQ-CP 2019. Ngành Công nghiệp và Xây dựng (CN&XD) cải thiện đáng kể trong khi Nông, lâm, ngư nghiệp gặp nhiều khó khăn.

Hình 01. GDP thực và đóng góp tăng trưởng theo ngành



Nguồn: KIS, GSO

Nông, lâm, ngư nghiệp tiếp tục giảm tốc do sản xuất nông nghiệp khó khăn

- Sản lượng nông nghiệp suy giảm trong 3Q2019 do: (1) Dịch tả lợn châu Phi lây lan trên diện rộng (sản lượng thịt lợn giảm 17% n/n) và (2) Năng suất lúa giảm do hạn hán và điều kiện thời tiết bất lợi.
- Thủy sản tăng 5.53% n/n, đóng góp 19 bps vào tổng tăng trưởng GDP thực tế. Sự cải thiện sản lượng tôm trong quý này có thể được lý giải bởi giá tôm tăng vọt trong những tháng gần đây.
- Nhìn chung, khu vực nông, lâm, ngư nghiệp tăng 1.53% so với cùng kỳ năm ngoái, đóng góp 21 bps vào tổng tăng trưởng kinh tế.

Công nghiệp & Xây dựng được cải thiện đáng kể nhờ Chế biến, chế tạo tăng trưởng mạnh mẽ

- Công nghiệp chế biến, chế tạo đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy khu vực CN&XD trong 3Q2019 với mức tăng trưởng mạnh mẽ 11.68% n/n, đóng góp 2.22% vào mức tăng trưởng chung.

- Khai khoáng ghi nhận quý phục hồi thứ hai liên tiếp sau xu hướng giảm trong một thời gian dài kể từ năm 2016. Việc mở rộng khai thác quặng than và kim loại là nguyên nhân chính cho sự phục hồi của nhóm này.
- Ngành xây dựng cũng ghi nhận sự tăng tốc với tốc độ tăng trưởng 8.99% n/n, đóng góp 0.58% vào tổng tăng trưởng GDP thực tế.

Sự tăng trưởng của khu vực Dịch vụ trong quý này chủ yếu được thúc đẩy bởi 2 nhóm ngành: Bán buôn, bán lẻ và Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm. Khu vực dịch vụ tăng trưởng 7.11% n/n và đóng góp 2.84% vào tổng tăng trưởng, tăng 37 bps so với giai đoạn trước. Trong đó, nhóm ngành Bán buôn và bán lẻ tăng 8.66% n/n; Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 8.47% n/n. Tổng mức đóng góp của hai nhóm này là 1.43%, cao hơn 40 bps so với 2Q2019.

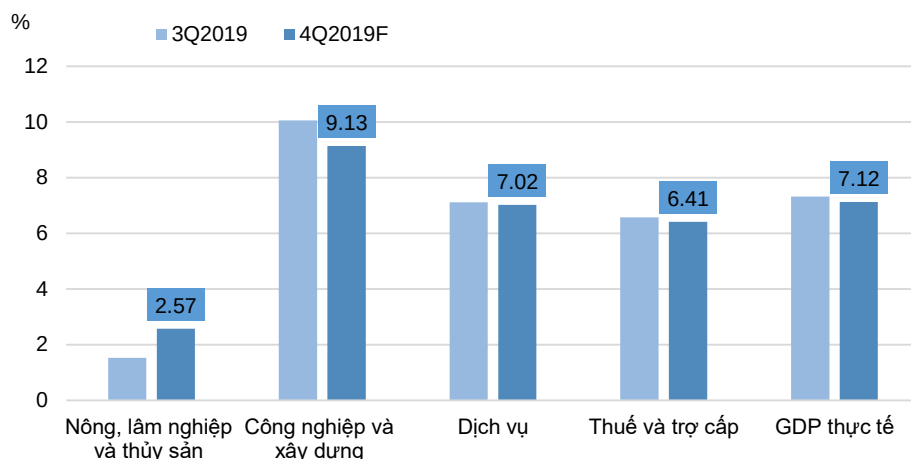
Hình 02. Cơ cấu GDP thực tế (% n/n)



Nguồn: KIS, GSO

❖ **Dự báo:**

- Việc tăng giá thịt lợn sẽ thúc đẩy sự phục hồi của ngành chăn nuôi lợn và đem lại ảnh hưởng tích cực đến tốc độ tăng trưởng nông nghiệp trong quý tới. Ngành thủy sản được dự báo sẽ tăng mạnh khoảng 6% n/n. Khu vực Nông, lâm, ngư nghiệp dự kiến sẽ tăng trưởng vừa phải ở mức 2.57% n/n, đóng góp 35 bps vào tăng trưởng GDP thực tế.
- Khu vực CN&XD và Dịch vụ dự kiến sẽ duy trì tốc độ tăng trưởng cao ở mức 9.13% n/n và 7.02% n/n; đóng góp lần lượt 3.35% và 2.72% vào tổng tăng trưởng.
- Nhìn chung, GDP thực tế được dự báo sẽ tăng 7.12% n/n trong 4Q2019 và 7.04% n/n cho cả năm 2019.

Hình 03. Cơ cấu GDP thực tế (% n/n)

Nguồn: KIS, GSO

Ngân sách nhà nước ghi nhận thặng dư

Tính đến ngày 15/09/2019, tổng thu ngân sách nhà nước đạt 1,028.7 nghìn tỷ đồng, tương đương 72.9% kế hoạch năm. Cụ thể hơn, thu nội địa ghi nhận 824.6 nghìn tỷ, tương đương 70.3% kế hoạch, thu từ dầu thô đạt 40.8 nghìn tỷ, tương đương 91.5% và thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 159.8 nghìn tỷ, tương đương 84.4%.

Trong khi đó, tổng chi ngân sách nhà nước ước tính là 962.2 nghìn tỷ đồng, chiếm 58.9% dự toán hàng năm. Trong đó, chi thường xuyên là 691.9 nghìn tỷ đồng, chiếm 69.2%, chi đầu tư phát triển đạt 174.3 nghìn tỷ đồng, chiếm 40.6% và chi trả nợ lãi là 78.6 nghìn tỷ đồng, tương đương 63%.

Chế biến, chế tạo dẫn đầu ngành công nghiệp Việt Nam

Trong tháng 9, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) giảm nhẹ 0.01% t/t nhưng tăng mạnh 10.2% n/n nhờ công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 12.3% n/n.

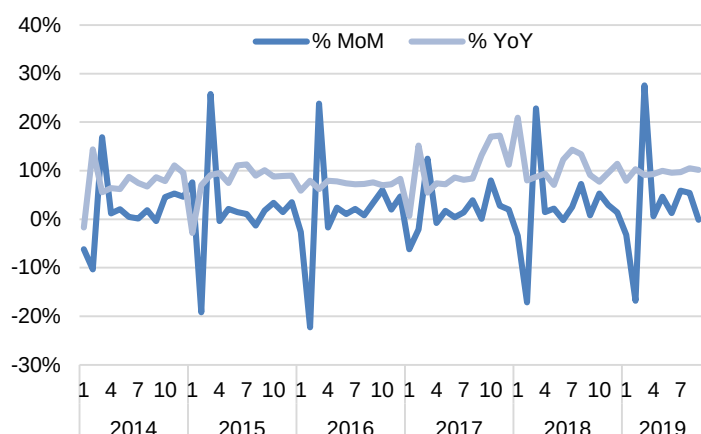
Trong 3Q2019, IIP trung bình tăng 10.2% n/n nhờ sự mở rộng của tất cả các thành phần. Cụ thể, Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng +10.8% n/n; Sản xuất và phân phối điện tăng +10.4% n/n; Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng +7.2% n/n và Khai khoáng +2.8% n/n.

Mức tăng trưởng cao của ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo được thúc đẩy bởi hoạt động của Nhà máy Lọc dầu Nghi Sơn và sự mở rộng của Tập đoàn Thép Formosa Hà Tĩnh.

❖ Dự báo:

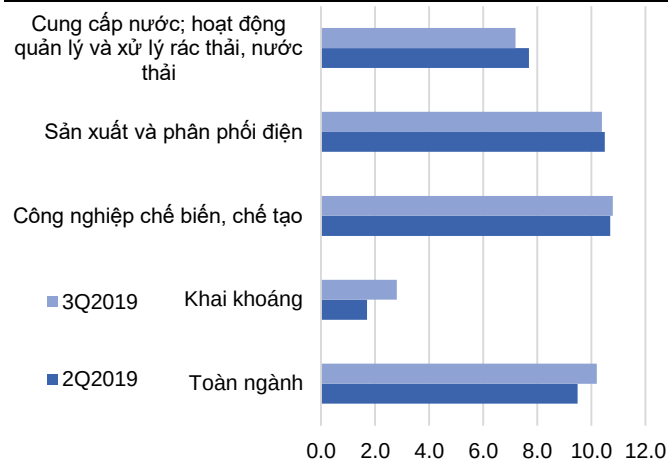
Bất chấp sự suy giảm của nền kinh tế thế giới, chúng tôi kỳ vọng sản xuất công nghiệp sẽ tiếp tục đà phát triển nhờ hoạt động của một số dự án lớn trong 3Q2019 như Nhà máy ô tô của Vinfast và Khu liên hợp sản xuất gang thép Dung Quất.

Hình 02. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)



Nguồn: GSO

Hình 05. Tăng trưởng IIP theo ngành 3Q2019 (% n/n)

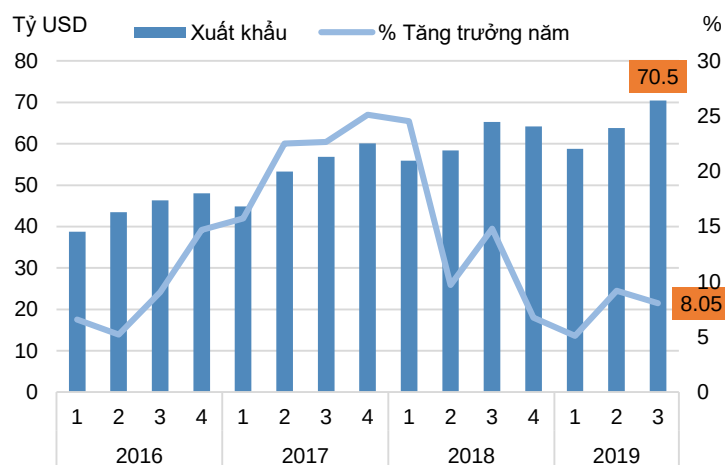


Nguồn: GSO

Xuất nhập khẩu hàng hoá tăng trưởng vừa phải

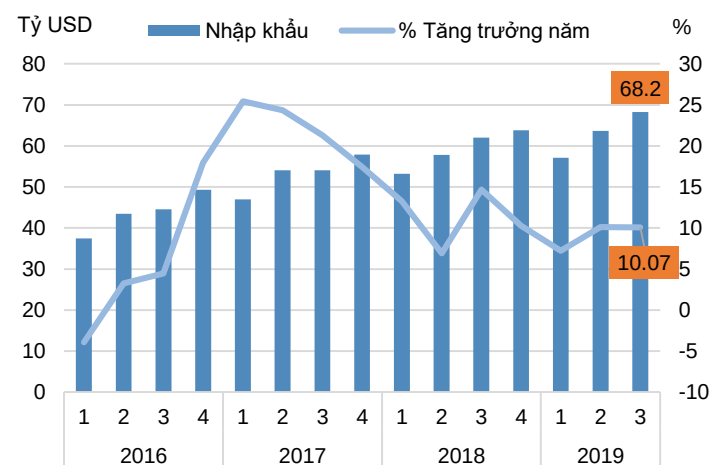
Theo GSO, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá 3Q2019 tăng +9.03% n/n lên 138.7 tỷ USD. Trong đó, giá trị xuất khẩu tăng 10.07% n/n lên 68.2 tỷ USD; giá trị nhập khẩu tăng 8.05% n/n, đạt 70.5 tỷ USD. Cán cân thương mại thặng dư 2.2 tỷ USD, tăng 2.15 tỷ USD so với quý trước.

Hình 06. Giá trị xuất khẩu của Việt Nam



Nguồn: KIS, GSO

Hình 07. Giá trị nhập khẩu của Việt Nam



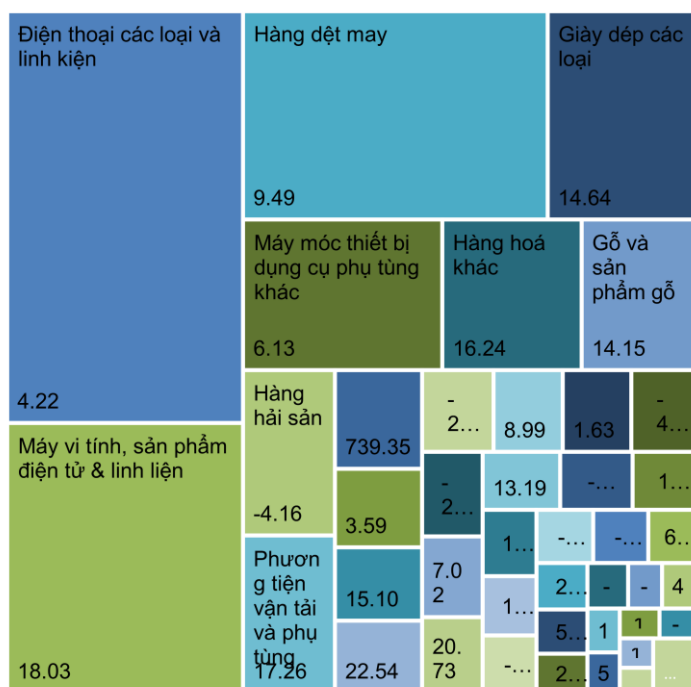
Nguồn: KIS, GSO

Khu vực FDI duy trì tỷ trọng đáng kể trong cơ cấu thương mại 3Q2019. Cụ thể, giá trị xuất khẩu từ khu vực này đạt 48.4 tỷ USD, chiếm 68.6% tổng giá trị xuất khẩu, trong khi giá trị nhập khẩu đạt 40.3 tỷ USD, chiếm 59% tổng giá trị nhập khẩu.

Theo mặt hàng xuất khẩu, điện thoại và linh kiện đạt 14.7 tỷ USD (+4.22% n/n), chiếm 20.8% cơ cấu xuất khẩu. Nhóm máy tính, đồ điện tử và linh kiện tăng 18.03% n/n và đóng góp 2.26% vào tăng trưởng xuất khẩu, là nhóm đóng góp lớn nhất trong quý này. Dệt may tăng trưởng ổn định trong 3Q2019 với 9.49% n/n và đóng góp 1.28% vào tổng tăng trưởng xuất khẩu. Ngoài ra, không thể không kể đến sự đóng góp từ nhóm đá quý, kim loại quý và các mặt hàng với mức tăng 739.35% n/n.

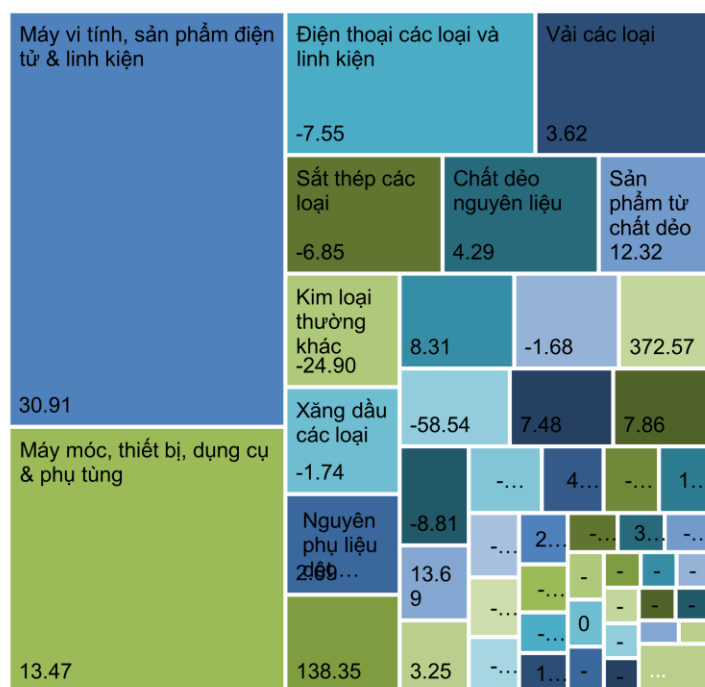
Về phía nhập khẩu, nhóm máy tính, đồ điện tử và linh kiện tăng 30.91% n/n, đóng góp 5.64% vào tổng tăng trưởng nhập khẩu giai đoạn này. Hơn nữa, nhóm máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng cũng tăng đáng kể 13.47% n/n, đóng góp 1.82% vào tổng tăng trưởng. Giá trị nhập khẩu ô tô tiếp tục tăng mạnh 138.35% n/n và đóng góp 1.35% vào tăng trưởng chung.

Hình 08. Cơ cấu xuất khẩu theo sản phẩm (% n/n)



Nguồn: KIS, GSO

Hình 09. Cơ cấu nhập khẩu theo sản phẩm (% n/n)

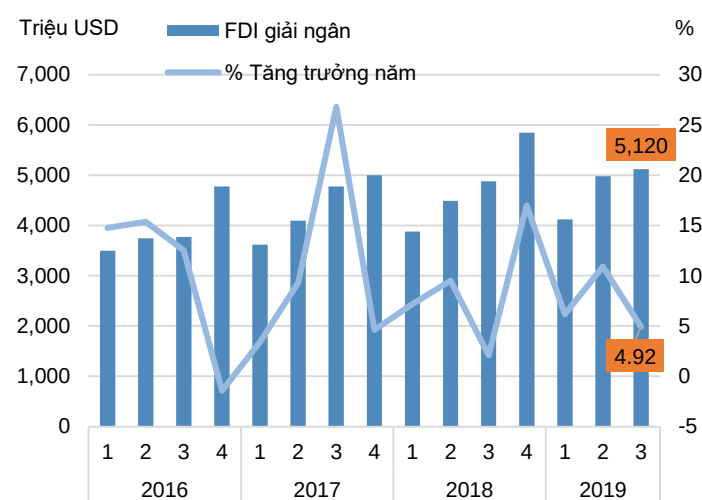


Nguồn: KIS, GSO

FDI đăng ký tăng mạnh nhưng giải ngân khiêm tốn

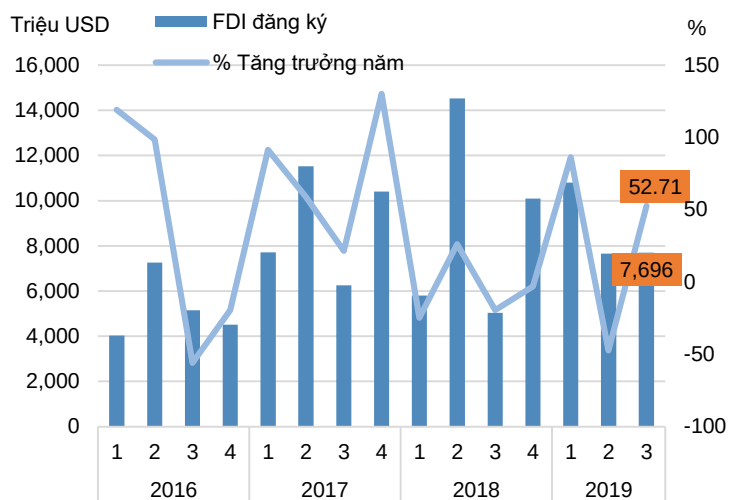
Trong 3Q2019, FDI đăng ký vào Việt Nam đạt 7.7 tỷ USD, tăng 52.71% n/n. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo là lĩnh vực hấp dẫn nhất với 4.9 tỷ USD, chiếm 63.5% tổng vốn đầu tư và đóng góp 30.13% vào tăng trưởng FDI đăng ký. Bất động sản đứng thứ hai với mức tăng 364.5% n/n, đóng góp 22.48% vào tổng vốn FDI.

Hình 10. Vốn FDI giải ngân



Nguồn: KIS, FIA

Hình 11. Vốn FDI đăng ký

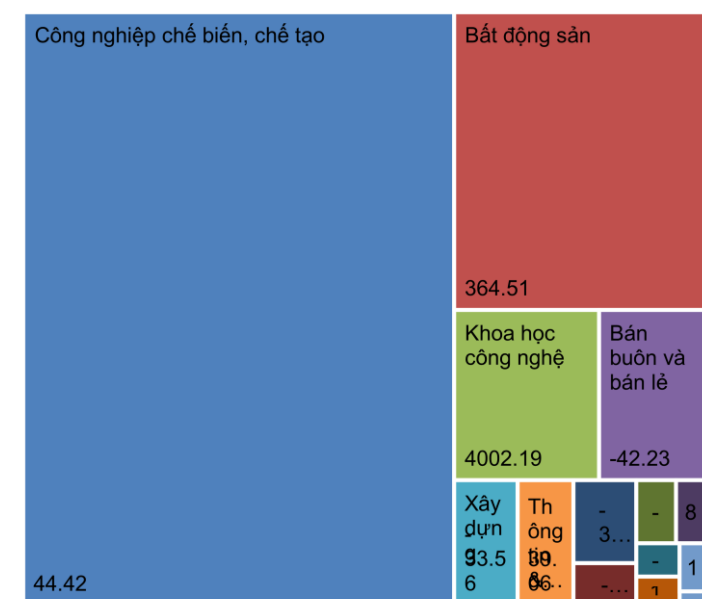


Nguồn: KIS, FIA

Theo quốc gia và vùng lãnh thổ, dòng vốn đăng ký chủ yếu đến từ các nước Hàn Quốc (1.89 tỷ USD), Singapore (1.57 tỷ USD), Nhật Bản (1.11 tỷ USD), Trung Quốc (0.78 tỷ USD) và Hồng Kông (0.58 tỷ USD). Năm quốc gia dẫn đầu này năm giữ 78.32% giá trị trong cơ cấu FDI đăng ký và đóng góp 51.24% vào tốc độ tăng trưởng.

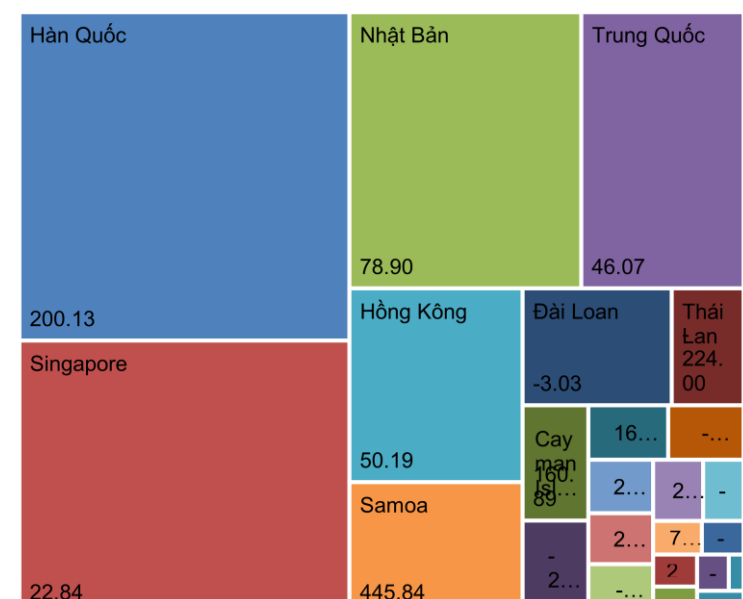
FDI giải ngân vào Việt Nam tăng nhẹ 4.92% n/n, đạt 5.12 tỷ USD trong quý này.

Hình 12. FDI đăng ký theo ngành (% n/n)



Nguồn: KIS, FIA

Hình 13. FDI đăng ký theo quốc gia (% n/n)



Nguồn: KIS, FIA

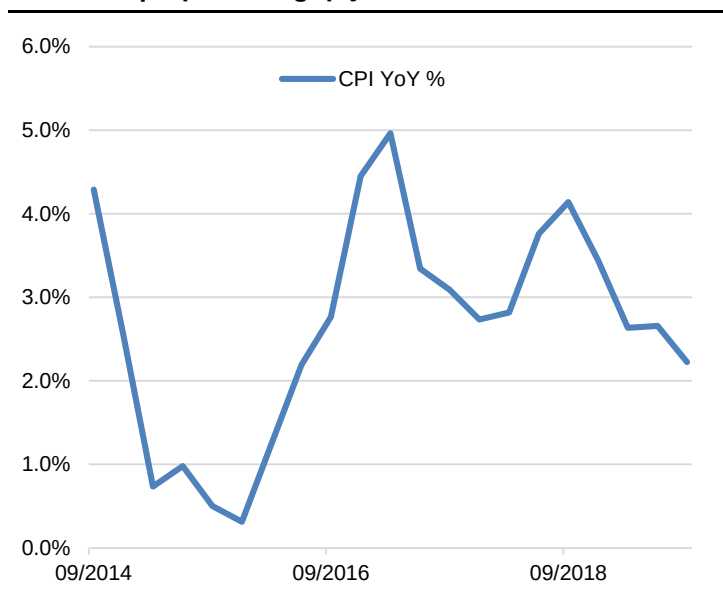
Áp lực cao từ Dịch vụ y tế và Giáo dục

Theo GSO, Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 09/2019 tăng nhẹ 0.32% t/t nhưng tăng 2.2% n/n. Trong 3Q2019, CPI trung bình tăng 2.23% n/n chủ yếu từ nhóm Thuốc & dịch vụ y tế (+7.87% n/n), Giáo dục (+5.91% n/n) và Nhà ở & Vật liệu xây dựng (+2.87% n/n). Có ba nguyên nhân chính dẫn đến lạm phát trong 3Q2019:

- Nhóm Giáo dục tăng dưới tác động từ Nghị định 86/2015/NĐ-CP và các yếu tố thời vụ.
- Thông tư 37/2018/TT-BYT và Thông tư 13/2019/TT-BYT của bộ Y tế làm nhóm Thuốc và dịch vụ y tế tăng mạnh.
- Nhóm Nhà ở và vật liệu xây dựng chịu tác động tiêu cực từ Quyết định số 648/QĐ-BCT của bộ Công thương, sau khi giá điện bán lẻ tăng trung bình +8.36% vào ngày 20/03/2019.

Trong 9T2019, CPI bình quân tăng 2.5% n/n, mức thấp nhất trong ba năm qua, với chỉ số giá của 9 trong số 11 nhóm có sự gia tăng. Đáng chú ý, chỉ số giá Giáo dục tăng mạnh nhất 6.13% n/n.

Hình 14. Lạm phát hàng quý



Nguồn: GSO

Hình 15. Lạm phát theo ngành 3Q2019

Chỉ số giá tiêu dùng	Tỷ trọng	% n/n
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	36.12%	1.95%
Đồ uống và thuốc lá	3.59%	2.14%
May mặc, mũ nón, giày dép	6.37%	1.84%
Nhà ở và vật liệu xây dựng	15.73%	2.81%
Thiết bị và đồ dùng gia đình	7.31%	1.38%
Thuốc và dịch vụ y tế	5.04%	7.87%
Giao thông	9.37%	-1.11%
Bưu chính viễn thông	2.89%	-0.59%
Giáo dục	5.99%	5.91%
Văn hoá, giải trí và du lịch	4.29%	1.74%
Hàng hoá và dịch vụ khác	3.30%	2.97%

Nguồn: GSO

❖ Dự báo:

Trong 4Q2019, chúng tôi dự báo lạm phát sẽ vẫn ở mức thấp, giữ mức CPI bình quân 2019 dưới mục tiêu lạm phát 4% của Chính phủ. Lý do như sau:

- Mặc dù giá xăng dầu trong nước tăng song song với giá dầu thế giới vào ngày 01/10/2019, xu hướng giảm của nó vẫn còn hiệu lực trong trung hạn. Do đó, áp lực tăng giá nhà ở, vật liệu xây dựng, dịch vụ vận tải và bưu chính viễn thông là không đáng kể.

- Dịch tả lợn châu Phi (ASF) có dấu hiệu tạm lắng, giá thịt lợn đang phục hồi nhưng còn khiêm tốn do nhu cầu giảm và tỷ trọng thực phẩm tương đối nhỏ trong CPI.
- Áp lực từ mức tăng lương cơ sở của cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang là không đáng kể.

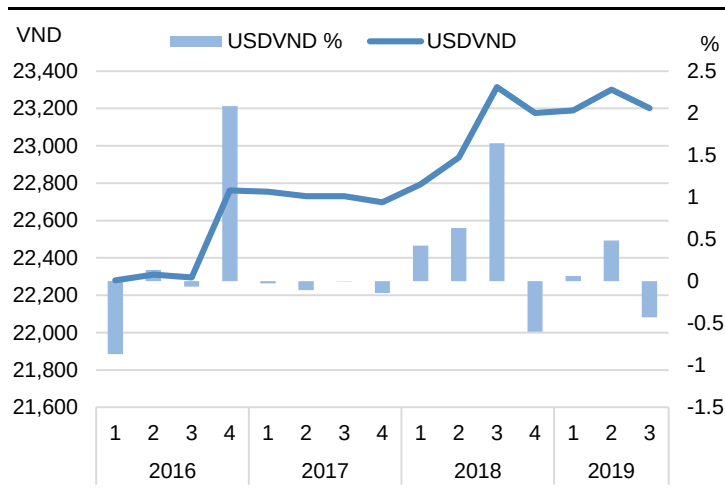
Đồng Việt Nam tăng nhẹ so với đồng đô la Mỹ

Vào cuối tháng 09/2019, tỷ giá USD/VND được giao dịch ở mức 23,201 (23,201 đồng Việt Nam cho 1 đô la Mỹ), giảm 0.43% so với cuối tháng Sáu. Hầu hết các đồng tiền chính ở Đông Nam Á đã mất giá so với đồng đô la Mỹ trong 3Q2019 như rupiah Indonesia (IDR), ringgit Malaysia (MYR), peso Philippines (PHP) và đô la Singapore (SGD); trừ Thái Lan baht (THB). SGD giảm giá mạnh nhất với 2.14% trong khi IDR, MYR và PHP giảm lần lượt 0.47%, 1.33% và 1.22% so với đô la Mỹ. Đồng THB tăng nhẹ 0.23% quý thứ ba liên tiếp.

Từ đầu năm đến nay, IDR, PHP và THB lần lượt tăng giá ở mức 1.36%, 1.46% và 5.99% trong khi MYR, SGD và đồng Việt Nam mất giá 1.29%, 1.46% và 0.11% so với đô la Mỹ.

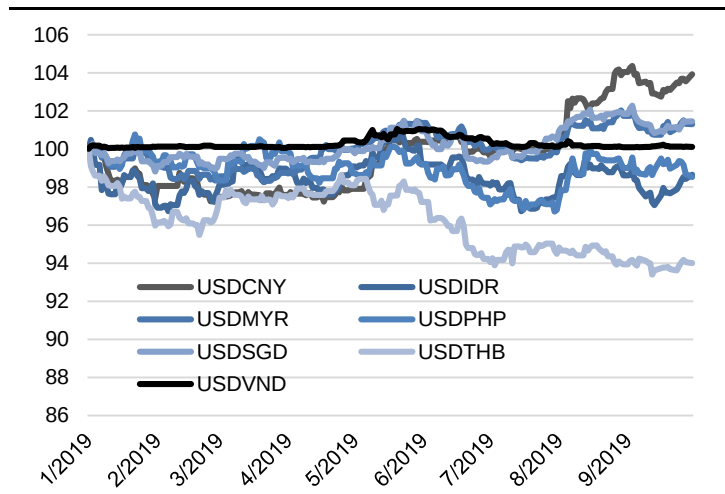
Đồng Nhân dân tệ Trung Quốc (CNY) giảm mạnh 4.1% trong quý này do sự trả đũa thương mại đối với việc Mỹ tăng thuế lên hàng hóa và dịch vụ có xuất xứ Trung Quốc. Tuy nhiên, từ đầu năm đến nay, CNY đã tăng giá 3.92% so với đồng bạc xanh.

Hình 16. Tỷ giá hối đoái USD/VND



Nguồn: KIS, Bloomberg

Hình 17. So sánh giữa các nước ASEAN và Trung Quốc



Nguồn: KIS, Bloomberg

❖ Dự báo:

Biến động của Đồng Việt Nam gần đây so với USD tương đối nhỏ so với các đồng tiền khác ở Đông Nam Á. Hoạt động xuất khẩu mạnh mẽ, dòng vốn FDI ổn định và kiều hối tăng được cho là sẽ hỗ trợ sự ổn định của đồng Việt Nam trong 4Q2019.

Bảng điểm vĩ mô

	04-19	05-19	06-19	07-19	08-19	09-19	4Q18	1Q19	2Q19	3Q19	2016	2017	2018	2019P
Tăng trưởng GDP thực tế (%)							7.31	6.82	6.73	7.31	6.21	6.81	7.08	6.8
Vốn FDI đăng ký (tỷ USD)	29.51	-3.03	11.11	-2.03	0.71	13.00	17.00	6.19	10.91	4.92	8.97	10.76	9.14	10.00
GDP đầu người (USD)											2,172	2,353	2,551	2,730
Tỷ lệ thất nghiệp (%)											2.33	2.21	2.21	2.25
Xuất khẩu (tỷ USD)	20.44	21.90	21.43	22.98	24.50	23.00	64.15	58.76	63.77	70.48	176.6	215.0	243.7	279.4
Nhập khẩu (tỷ USD)	20.99	23.19	19.49	22.94	22.80	22.50	63.81	57.09	63.68	68.24	175.0	213.2	236.7	267.0
Tăng trưởng xuất khẩu (%)	10.44	9.50	7.66	11.10	4.51	8.99	6.75	5.10	9.17	8.05	8.99	21.82	13.19	14.66
Tăng trưởng nhập khẩu (%)	19.90	10.22	1.12	7.53	7.52	15.63	10.28	7.25	10.12	10.07	5.55	21.85	11.01	12.80
Lạm phát (%)	1.98	2.26	2.44	2.16	2.88	2.93	4.14	3.44	2.63	2.65	2.66	3.53	3.54	4.00
USD/VND	23,280	23,415	23,301	23,205	23,196	23,201	23,175	23,189	23,301	23,201	22,761	22,698	23,175	23,384
Tăng trưởng tín dụng (%)											18.25	18.24	13.89	14

Nguồn GSO, Bloomberg, FIA, IMF

Liên hệ

Trụ sở chính

Tầng 3, Tòa nhà TNR,
180-192 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.HCM.
ĐT: (+84 28) 3914 8585
Fax: (+84 28) 3821 6899

PGD Phạm Ngọc Thạch

Lầu 03, 62A Phạm Ngọc Thạch,
Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84 28) 7108 1188
Fax: (+84 28) 3820 9229

Chi nhánh Hà Nội

Lầu 06, Tòa nhà CTM,
299 Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (+84 24) 3974 4448
Fax : (+84 24) 3974 4501

PGD Bà Triệu

Lầu 06, 74 Bà Triệu, P. Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (+84 24) 7106 3555
Fax: (+84 24) 3632 0809

PGD Láng Hạ

P.504A, Lầu 05, Tòa nhà TĐL,
22 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84 24) 7108 1188
Fax : (+84 24) 3244 4150

Phòng Phân tích**Hoàng Huy**

Trưởng phòng Phân tích
(+84 28) 3914 8585 (x1450)
huy.hoang@kisvn.vn

Phòng Môi Giới Khách hàng Tổ chức**Lâm Hạnh Uyên**

Trưởng phòng Môi Giới Khách hàng Tổ chức
(+84 28) 3914 8585 (x1444)
uyen.lh@kisvn.vn

Nguyên tắc khuyến nghị

TĂNG TỶ TRỌNG: nếu giá mục tiêu cao hơn 15% hoặc hơn (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) so với giá thị trường.

TRUNG LẬP: nếu giá mục tiêu cao/thấp hơn -5 đến 15% (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) so với giá thị trường.

GIẢM TỶ TRỌNG: nếu tổng tỷ suất sinh lợi 12 tháng (bao gồm cổ tức) thấp hơn -5%.

Khuyến cáo

Bản báo cáo này do **Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (KIS)** phát hành với sự đóng góp của các chuyên gia của **KIS** được nêu trong báo cáo. Báo cáo này được viết nhằm mục đích cung cấp thông tin cho khách hàng là các tổ chức đầu tư, các chuyên gia hoặc các khách hàng cá nhân của KIS tại Việt Nam.

Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào ý kiến tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh.

Khi viết bản báo cáo này, chúng tôi dựa vào các nguồn thông tin công khai và các nguồn thông tin đáng tin cậy khác, và chúng tôi giả định các thông tin này là đầy đủ và chính xác, mặc dù chúng tôi không tiến hành xác minh độc lập các thông tin này. **KIS** không đưa ra, một cách ẩn ý hay rõ ràng, bất kỳ đảm bảo, cam kết hay khai trình nào và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác và đầy đủ của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này.

Các nhận định, đánh giá và dự đoán trong báo cáo này được đưa ra dựa trên quan điểm chủ quan của chúng tôi vào thời điểm đưa ra báo cáo này và có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần báo trước.

KIS có thể đã, đang và sẽ tiếp tục thực hiện các dịch vụ tư vấn đầu tư hoặc tiến hành các công việc kinh doanh khác cho các công ty được đề cập đến trong báo cáo này. Ngoài ra, **KIS** cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của **KIS** có liên quan đến việc viết hay phát hành báo cáo này có thể đã, đang và sẽ mua hoặc bán có kỳ hạn chứng khoán hoặc chứng khoán phái sinh (bao gồm quyền chọn) của các công ty được đề cập trong báo cáo này, hoặc chứng khoán hay chứng khoán phái sinh của công ty có liên quan theo cách phù hợp hoặc không phù hợp với báo cáo và các ý kiến nêu trong báo cáo này. Vì thế, nhà đầu tư nên ý thức rằng **KIS** cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của **KIS** có thể có xung đột lợi ích mà điều đó có thể ảnh hưởng đến nhận định.

Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của **KIS**.